UBND TỈNH KHÁNH HÒA
**CÔNG TY TNHH MTV**
**LÂM NGHIỆP TRÀM HƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 748 /QĐ-LNTH

*Bắc Khánh Vĩnh, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu**
**Công việc "Cung cấp cây giống"**

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh"

## CHỦ TỊCH CÔNG TY KIÊM GIÁM ĐỐC
## CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRÀM HƯƠNG

*Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-LNTH ngày 20/08/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026, diện tích 3,80 ha – Hồ sơ số 12/2026/TRSX (Mã rừng: 26.12.S.CT);*

*Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-LNTH ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh";*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 13/10/2026 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định HSYC công việc "Cung cấp cây giống" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh";*

*Xét Tờ trình ngày 12/10/2026 về việc phê duyệt HSYC của Tổ chuyên gia thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt HSYC công việc "Cung cấp cây giống" với nội dung theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Giao Tổ Chuyên gia căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định, các phòng nghiệp vụ và bộ phận trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban GĐ (theo dõi, chỉ đạo);
- P.KT&QLBVR; HC-NS; KH-TC;
- Lưu: VT; TCG; TTĐ; Khoa./.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY KIÊM GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG

**Lê Văn Trung**

# MẪU SỐ 1B

# HỒ SƠ YÊU CẦU
# GÓI THẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

*(Kèm theo Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

# HỒ SƠ YÊU CẦU
# MUA SẮM HÀNG HÓA

| | |
|---|---|
| **Số hiệu gói thầu/công việc:** | **01** |
| **Tên gói thầu/công việc:** | **Cung cấp cây giống** |
| **Dự án/công trình/dự toán mua sắm:** | **Trồng rừng sản xuất năm 2026 – hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích 3,80 ha của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.** |
| **Phát hành ngày:** | **15/10/2026** |

*[ghi số hiệu gói thầu, tên gói thầu và tên dự án/dự toán mua sắm theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu]*

| | |
|---|---|
| **Ban hành kèm theo Quyết định:** | **Quyết định số 718/QĐ-LNTH ngày 15/10/2026** |

*[ghi số quyết định, ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu]*

**CÔNG TY TNHH MTV**
**LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG**
**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG

**LÊ VĂN TRUNG**

# TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| HSĐX | Hồ sơ đề xuất |
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu |
| Luật Đấu thầu | Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 |
| Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |
| Thông tư số 79/2025/TT-BTC | Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia |
| VND | Đồng Việt Nam |
| Hệ thống | Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia |

# Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

## Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

### Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương, địa chỉ: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa mời nhà thầu nhận HSYC công việc "Cung cấp cây giống" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh".

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn của doanh nghiệp *[Ghi rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt; trường hợp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước]*.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 02 tháng *[Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]*, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có)), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

### Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

### Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

### Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi yêu cầu làm rõ đến Chủ đầu tư trên Hệ thống trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu trên Hệ thống. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSĐX thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

### Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSĐX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

**Mục 6. Thành phần của HSĐX**

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01A hoặc Mẫu số 01B Chương III, tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu;

2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương III (đối với trường hợp liên danh);

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;

5. Đề xuất về giá theo các bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 4.1 (4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C) hoặc Mẫu số 4.2 (4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C) Chương III;

6. Các nội dung khác: Các tài liệu chứng minh nguồn gốc của giống cây trồng theo quy định của pháp luật *[Nêu các nội dung khác tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu].*

**Mục 7. Giá dự thầu**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: *[Chủ đầu tư quy định theo Mẫu số 4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C hoặc 4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C Chương III].*

3. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

**Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan**

1. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Có yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau đây gọi là Giấy phép bán hàng). *[Chủ đầu tư ghi "Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương" hoặc "Có yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau*

*đây gọi là Giấy phép bán hàng)" căn cứ vào tính chất của hàng hóa như sau:*

*Đối với hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường, đã được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì không yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.*

*Đối với hàng hóa đặc thù, phức tạp cần sự khẳng định của nhà sản xuất, nhà cung cấp để bảo đảm tính khả thi trong việc cung cấp hàng hóa khi nhà thầu trúng thầu và cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như lắp đặt, bảo trì, đào tạo và các dịch vụ liên quan khác, trong HSYC có thể yêu cầu nhà thầu tham dự thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.*

*Trường hợp có yêu cầu về giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, Chủ đầu tư quy định nội dung sau: "Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong HSĐX của mình thì nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong HSĐX, kể cả trường hợp HSYC có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì nhà thầu đó không được xem xét chỉ định thầu.*

*Trường hợp nhà thầu đã được xét duyệt trúng thầu nhưng nhà sản xuất, đại lý, nhà phân phối không cung cấp Giấy phép bán hàng mà không có lý do chính đáng và nếu nhà thầu vẫn chứng minh được khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác thì vẫn được ký hợp đồng mà không cần xuất trình Giấy phép bán hàng"].*

2. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải tuân thủ theo ký mã hiệu (nếu

có), nhãn hiệu, xuất xứ và hãng sản xuất của vật tư, thiết bị nêu trong HSYC. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của các vật tư, thiết bị bao gồm các tài liệu sau:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh cơ sở sản xuất cây giống: của cơ sở SXKD/ chủ vườn.

- Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp (**cấp trung ương**): Quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm hoặc tương đương còn hiệu lực.

- Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (**cấp tỉnh**): Quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp còn hiệu lực:

+ Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mẫu số 04 TT số 84/2025/TT-BNNMT);

+ Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mẫu số 04 TT số 84/2025/TT-BNNMT);

+ Hồ sơ chứng từ liên quan về đầu vào nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (nếu có);

+ Bảng kê lô cây giống (Mẫu số 10/TT số 84/2025/TT-BNNMT): trước khi xuất vườn.

*[nêu yêu cầu về tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá].*

3. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSĐX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.

5. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn 03 tháng *[ghi thời hạn hoạt động dự kiến của hàng hóa]* sau khi hàng hóa bắt đầu được đưa vào sử dụng.

**Mục 9. Hiệu lực của HSĐX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX phải bảo đảm theo yêu cầu là 90 ngày *[Ghi rõ số ngày tuỳ thuộc quy mô, tính chất của gói thầu, bảo đảm thời gian có hiệu lực đến ngày ký kết hợp đồng]* kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia

hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

**Mục 10. Chuẩn bị và nộp HSĐX**

Nhà thầu chuẩn bị HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương này và đính kèm trên Hệ thống. Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSĐX trên Hệ thống. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp HSĐX sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

**Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu**

1. HSĐX do nhà thầu nộp trên Hệ thống phải bảo đảm trước thời điểm đóng thầu do chủ đầu tư quy định tại thông báo phát hành HSYC.

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu sau thời điểm đóng thầu để tải HSĐX và lập Biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- Tên nhà thầu (tham dự độc lập hay liên danh);
- Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSĐX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư.

**Mục 12. Nhà thầu phụ**

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 11B Chương III.

2. Việc quản lý nhà thầu phụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

**Mục 13. Đánh giá HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu**

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

**Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu**

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;

3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

**Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;

- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);

- Tên Chủ đầu tư;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu;

- Loại hợp đồng;

- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Tên nhà thầu;

- Mã số thuế (nếu có);

- Giá dự thầu;

- Giá trúng thầu;

- Thời gian thực hiện gói thầu;

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Tên, phạm vi công việc, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ (nếu có).

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

d) Tài liệu đính kèm bao gồm:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Biên bản mở thầu theo quy định tại Mục 11;

- Bản scan báo cáo đánh giá HSĐX có chữ ký của tất cả thành viên trong tổ chuyên gia (không bắt buộc kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu tại khoản này.

2. Hồ sơ yêu cầu được công khai đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

**Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

**Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

**Mục 18. Giải quyết kiến nghị**

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị trực tiếp: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, điện thoại: 0979773692, email: lamnghieptramhuong@gmail.com *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email].* Trường hợp gửi kiến nghị đến Chủ đầu tư trên Hệ thống, nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, điện thoại: 0967892359, email: letrungth@gmail.com *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email];*

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, điện thoại: 0979773692, email: nghi.tramhuong@gmail.com *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email].*

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều

chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: gửi đơn kiến nghị đồng bản giấy đến trụ sở Công ty tại: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, đồng thời gửi email đến bộ phận thường trực của Hội đồng giải quyết kiến nghị: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, diện thoại: 0979773692, email: nghi.tramhuong@gmail.com. *[ ghi cụ thể quy trình, thủ tục của việc giải quyết kiến nghị của đơn vị, tổ chức đồng thời ghi rõ email, địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị].*

**Mục 19. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu**

Ưu đãi: Không có *[Chủ đầu tư ghi rõ đối tượng, điều kiện ưu đãi tại văn bản quy phạm pháp luật (nếu có)].*

# Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

## Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

b) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;

c) Trường hợp liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu tại Mẫu số 4.1 (4.1A hoặc 4.1B hoặc 4.1C) hoặc Mẫu số 4.2 (4.2A hoặc 4.2B hoặc 4.2C) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

d) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.

đ) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

### 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu), nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi

đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng thương mại Vietcombank *[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam]* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 11A Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

**Bảng số 01**

# BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

*(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất[1] ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| 1 | **Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu** | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 [2] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu[3]. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 09 |
| 2 | **Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế** | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế[4] của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh |
| 3 | **Năng lực tài chính** | | | | | |
| 3.1 | **Kết quả hoạt động tài chính[5]** | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ phải trả) | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 10 |
| 3.2 | **Doanh thu bình quân** | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao | Phải thỏa | Phải thỏa mãn | Không áp dụng | Mẫu số 10 |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| | **hằng năm (không bao gồm thuế VAT)** | gồm thuế VAT) của 03 [6]năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 39.062.000 [7]VND. | mãn yêu cầu này | yêu cầu này | | |
| **4** | **Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự** | *Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự hoặc không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.*<br>*- Trường hợp không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự thì ghi "Không áp dụng".*<br>*- Trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự thì quy định như sau:*<br>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[8] trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 [9] đến thời điểm đóng thầu.<br>Trong đó hợp đồng tương tự là:<br>- Có tính chất tương tự: hợp đồng cung cấp cây giống Keo lai dòng AH7 [10];<br>- Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 13.672.000 VND [11]. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 07A |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| | | Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y. | | | | |
| 5 | **Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác**(12) | Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:<br>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC.<br>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc |

***Ghi chú:***

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ 1: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong HSYC như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Chủ đầu tư nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) **hoặc**

b) Cách 2: HSYC quy định theo 2 tiêu chí

(i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Chủ đầu tư nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...)

(ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: https://www.customs.gov.vn).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do HSYC yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, HSYC quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của HSYC.

*Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của HSYC (Tiêu chí 1).*

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, HSYC được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời

thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự (Y) xuống còn **Y/1,25**. Trong đó, **Y** thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì HSYC yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

*Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của Chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: 50% x 100.000.000.000/2 =25.000.000.000 đồng.*

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong HSYC là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018**.31.10 (Theo quy

định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS **9405**.10.20 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS **9018**.90.30, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS **9405**.40.91, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng 50% x 1,64 tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng (1,5 x 50 máy x 30 /180 ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là ≥50% x 400 triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là ≥ 50% x 100 triệu đồng).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

| STT | Danh mục hàng hóa | Mã HS | Giá trị theo dự toán (VND) |
|---|---|---|---|
| 1 | Hàng hóa A | 9025 | 10.000.000.000 |
| 2 | Hàng hóa B | 9030 | 8.000.000.000 |
| 3 | Hàng hóa C | 9030 | 12.000.000.000 |

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng (50% x (10 tỷ đồng + 12 tỷ đồng)) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng (50% x 10 tỷ đồng) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [50% x 12 tỷ đồng)].".

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSĐX. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì HSĐX của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

**Bảng số 02**

# BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

*(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất[1] ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Nhà thầu liên danh | | |
| | | | | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| 1 | **Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu** | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023[2] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu[3]. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 09 |
| 2 | **Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế** | Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế[4] của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Nội dung cam kết theo đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh |
| 3 | **Năng lực tài chính[5]** | | | | | |
| 3.1 | **Kết quả hoạt động tài chính[6]** | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ phải trả) | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 10 |
| 3.2 | **Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)[7]** | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 [8]năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Mẫu số 10 |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nhà thầu liên danh | | |
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| | | tối thiểu là 39.062.000 [9]VND. | | | | |
| 4 | **Năng lực sản xuất hàng hoá[10]** | *Căn cứ vào tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hoá hoặc không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hoá.*<br>*- Trường hợp không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hoá thì ghi "Không áp dụng".*<br>*- Trường hợp có yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hoá thì quy định như sau:*<br>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:<br>- Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: 100.000 sản phẩm/01 tháng hoặc tối thiểu: 1.000.000 sản phẩm/01 năm;<br>Hoặc:<br>- Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 150.000 sản phẩm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 1.000.000 sản phẩm.<br>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 07B |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | | | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nhà thầu liên danh | | |
| TT | Mô tả | Yêu cầu | Nhà thầu độc lập | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | |
| | | được thực hiện theo Bảng Y. | | | | |
| 5 | **Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác** (11) | Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:<br>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC.<br>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSYC. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng | Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc |

***Ghi chú:***

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai

thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(5) Khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với HSYC không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Căn cứ xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với HSYC, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

(8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hoá khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hoá chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hoá của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: k x (Số lượng yêu cầu của gói thầu x 30/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)). Thông thường k = 1,5; trường hợp mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định k = 1", hoặc:

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: k x (Số lượng yêu cầu của gói thầu x 365/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)). Thông thường k = 1,5".

*Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số k = 1,5 thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: 1,5 x (12.000 x 30/20) = 27.000 hộp sữa hoặc công suất thiết kế tối thiểu trong 01 năm/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 năm của nhà thầu là: 1,5 x (12.000 x 365/20) = 328.500 hộp sữa.*

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong HSĐX là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 01 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

(11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá HSĐX. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì HSĐX của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

**Bảng Y**

## BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

*(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)*

| STT | Danh mục hàng hóa | Mã HS[1] | Chủng loại, lĩnh vực[2] | Giá trị được coi là tương tự (VND)[3] | Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu<br>Hoặc:<br>Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu[4] |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàng hóa A | | | | |
| 2 | Hàng hóa B | | | | |
| 3 | Hàng hóa C | | | | |
| … | … | | | | |

***Ghi chú:***

*(1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.*

*(3) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.*

*(4) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.*

### 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 08A, 08B và 08C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt[1]**

| STT | Vị trí công việc | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn[2] |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | *tối thiểu__năm hoặc tối thiểu___hợp đồng* | |
| 2 | | | *tối thiểu__năm hoặc tối thiểu___hợp đồng* | |
| ... | | | | |

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được. HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương IV. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Yếu tố thân thiện môi trường;

- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Các yếu tố cần thiết khác.

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

# Chương III. BIỂU MẪU

**Mẫu số 01A**

## ĐƠN DỰ THẦU

*(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)*

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu _____*[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu[(2)].

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**(1)
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

**Mẫu số 01B**

# ĐƠN DỰ THẦU

*(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)*

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ *[Ghi tên cá nhân và mã số thuế cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân thì ghi tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 01C]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu [(2)].

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

10. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu[(1)]**
*[Ghi tên, chức danh, ký tên]*

***Ghi chú:***

(1) Cá nhân tham dự thầu phải ký đơn dự thầu. Đối với trường hợp nhóm cá nhân thì tất cả các thành viên trong nhóm hoặc thành viên được phân công theo Văn bản thỏa thuận ký đơn dự thầu.

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

**Mẫu số 01C**

# VĂN BẢN THỎA THUẬN

*(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)*

Ngày:___ tháng___năm___

Căn cứ HSYC của gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]*

Chúng tôi gồm có:

**Thành viên thứ nhất:**

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:___

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

**Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:___

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

**...**

**Thành viên thứ n:**

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____Ngày cấp:_____Nơi cấp:___

Mã số thuế:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên

của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

*- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;*

*- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

*- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* như sau:

Phân công _____ *[ghi tên cá nhân]* làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

*[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSĐX hoặc văn bản đề nghị rút HSĐX;*

*- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

**Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận**

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhóm cá nhân không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc _____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN** *[ký, ghi rõ họ tên]*

**CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN** *[ký, ghi rõ họ tên]*

**Mẫu số 02**

## GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là____ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho___ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu__*[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do__ *[Ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]*[2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

| **Người được ủy quyền** | **Người ủy quyền** |
|---|---|
| *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

***Ghi chú:***

(1) Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

**Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu: __ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[1]___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[1]___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ HSYC Gói thầu: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:**____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

**Tên thành viên liên danh thứ hai:**____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

**...**

**Tên thành viên liên danh thứ n:**____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

*- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

*- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

*- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[(2)]:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSĐX cho cả liên danh.

*[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây [(4)]:

| STT | Tên các thành viên trong liên danh | Nội dung công việc đảm nhận | Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu |
|---|---|---|---|
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh | - ___ | - ___% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | *(Hệ thống tự động trích xuất)* | - ___ | - ___% |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | - ___<br>- ___ | - ___%<br>- ___% |
| .... | .... | .... | ..... |
| **Tổng cộng** | | **Toàn bộ công việc của gói thầu** | **100%** |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân

chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

**Mẫu số 4.1A**

# BẢNG GIÁ DỰ THẦU

*(Áp dụng với hợp đồng trọn gói)*

## I. Hàng hóa dự thầu

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) |
| 1 | *Cây Keo lai giâm hom, dòng AH7* | *AH7* | - | *2026* | *VIỆT NAM* | - | *- Nguồn gốc giống: Hom được thu từ vườn cây đầu dòng đã được cấp có thẩm quyền công nhận nguồn giống (có Quyết định công nhận nguồn giống cấp tỉnh), còn trong thời gian lấy hom.*<br>*- Tuổi cây: Từ 03 tháng đến 04 tháng kể từ khi hom giống được cấy vào bầu.*<br>*- Đường kính gốc: Từ 0,35 cm đến 0,40 cm.*<br>*- Chiều cao cây: Từ 35 cm đến 40 cm.* | cây | 13.930 | | | $M_1$ |

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) |
| | | | | | | | *- Số lá: Tối thiểu 08 lá/cây.*<br>*- Kích thước túi bầu: Túi bầu không chứa giá thể, có kích thước chiều rộng 07 cm, chiều dài 11 cm.*<br>*- Hình thái chung: Cây sinh trưởng khỏe, cứng cáp, đầy đủ các bộ phận, không bị tổn thương cơ giới, lá có màu xanh tự nhiên.*<br>*- Tình hình sâu bệnh: Không phát hiện sâu bệnh hại.*<br>*- Trước khi xuất vườn từ 15 ngày đến 20 ngày phải tiến hành đảo bầu, cắt rễ đáy bầu, cắt rễ xung quanh bầu và giảm cường độ tưới nhằm duy trì độ ẩm hỗn hợp* | | | | | |

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) |
| | | | | | | | *ruột bầu ở mức từ 40% đến 50%.*<br>*- Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc lô cây giống: Phù hợp với bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp (Mẫu số 10) và đúng theo lô giống thực tế tại vườn ươm (định vị số luống, vị trí luống của lô cây giống).* | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | | | | | | **(M)= $M_1$ +…+ Mn** |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Chủ đầu tư dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ cột (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

**II. Dịch vụ liên quan**

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)x(7) |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(I)= $I_1$ + In** |

***Ghi chú:***

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

**III. Tổng hợp giá dự thầu**

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| 1 | Giá dự thầu của hàng hóa | *(M)* |
| 2 | Dịch vụ liên quan | *(I)* |
| | **Tổng cộng giá dự thầu** *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)* | ***(G)= (M)+ (I)*** |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 4.1B**

# BẢNG GIÁ DỰ THẦU

*(Áp dụng với loại hợp đồng theo đơn giá)*

## I. Hàng hóa dự thầu

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) |
| *1* | *Hàng hóa thứ 1* | | | | | | | | | | | $M_1$ |
| | .... | | | | | | | | | | | |
| *n* | *Hàng hóa thứ n* | | | | | | | | | | | *Mn* |
| **Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | | | | | | **(M)= $M_1$ +...+ Mn** |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Chủ đầu tư dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ cột (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

**II. Dịch vụ liên quan**

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)x(7) |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(I)= $I_1$ + In** |

***Ghi chú:***

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

**III. Tổng hợp giá dự thầu**

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| 1 | Giá dự thầu của hàng hóa | *(M)* |
| 2 | Dịch vụ liên quan | *(I)* |
| 3 | Chi phí dự phòng (*) | *(C)=a% x ((M)+(I))* |
| | **Tổng cộng giá dự thầu** *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)* | ***(G)= (M) + (I) + (C)*** |

***Ghi chú:***

*(*): a%: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 4.1C**

# BẢNG GIÁ DỰ THẦU

*(Áp dụng với loại hợp đồng hỗn hợp)*

## I. Hàng hóa dự thầu

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá dự thầu *(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* | Thành tiền *đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)x(12) |
| **I. Hạng mục hàng hóa áp dụng hợp đồng trọn gói** | | | | | | | | | | | | ***(M1)= $M_1$+…+Mn*** |
| 1 | *Hàng hóa thứ 1* | | | | | | | | | | | *$M_1$* |
| … | …. | | | | | | | | | | | |
| n | *Hàng hóa thứ n* | | | | | | | | | | | *Mn* |
| **II. Hạng mục hàng hóa áp dụng hợp đồng theo đơn giá** | | | | | | | | | | | | ***(M2)= $M_1$+…+Mn*** |
| 1 | *Hàng hóa thứ 1* | | | | | | | | | | | *$M_1$* |
| … | …. | | | | | | | | | | | |
| n | *Hàng hóa thứ n* | | | | | | | | | | | *Mn* |
| **Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | | | | | | **(M)= (M1) + (M2)** |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền nội dung tại các cột: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10). Đối với cột (8), Chủ đầu tư dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ cột (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

**II. Dịch vụ liên quan**

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)x(7) |
| **I. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng trọn gói** | | | | | | | $I1 = I_1 + ... + In$ |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **II. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng theo đơn giá** | | | | | | | $I2 = I_1 + ... + In$ |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(I)= (I1) + (I2)** |

***Ghi chú:***

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.

- Cột (7), (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

## III. Tổng hợp giá dự thầu

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| **I** | **Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói** | ***(G1) = (M1) + (I1)*** |
| 1 | Giá dự thầu của hàng hóa | *(M1)* |
| 2 | Dịch vụ liên quan | *(I1)* |
| **I** | **Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá** | ***(G2) = (M2) + (I2)+(C)*** |
| 1 | Giá dự thầu của hàng hóa | *(M2)* |
| 2 | Dịch vụ liên quan | *(I2)* |
| 3 | Chi phí dự phòng (*) | *(C)=a% x ((M2)+(I2))* |
| | **Tổng cộng giá dự thầu** *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)* | ***G= (G1) + (G2)*** |

***Ghi chú:***

*(*): a%: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 4.2A**

# BẢNG GIÁ DỰ THẦU

*(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)*

## I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá EXW | Giá EXW | Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án | Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng | Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10) x(12) | (14) | (15)=(13)+(14) | (16) | (17)=(15)+(16) |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | $M_1$ |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | $M_n$ |
| *Tổng* | | | | | | | | | | | | | | $M^*$ | | $(M1) = M_1+...+Mn$ |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Nhà thầu điền chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (15) (17): Nhà thầu điền.

## II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu | Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa | Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu | Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu | Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án | Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) =(12)-(13) | (15) =(10)x(14) | (16) | (17) =(15)+(16) | (18) =(10)x(13) | (19) | (20) =(17)+(18)+(19) |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | $M_1$ |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | $Mn$ |
| **Tổng** | | | | | | | | | | | | | | | | $(M^*)$ | | | $(M2)=M_1+...+Mn$ |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Nhà thầu điền chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (12) (13) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền.

**III. Dịch vụ liên quan**

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)x(7) |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| … | | | | | | | … |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(I)= $I_1$+… + $I_N$** |

***Ghi chú:***

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

**IV. Tổng hợp giá dự thầu**

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| 1 | Hàng hóa sản xuất gia công trong nước | (M1) |
| 2 | Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài | (M2) |

| | | |
|---|---|---|
| 3 | Dịch vụ liên quan | (I) |
| | **Tổng cộng giá dự thầu** *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)* | ***G=(M1)+ (M2)+ (I)*** |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 4.2B**

# BẢNG GIÁ DỰ THẦU

*(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)*

## I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá EXW | Giá EXW | Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án | Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng | Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10) x(12) | (14) | (15)=(13)+(14) | (16) | (17)=(15)+(16) |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | $M_1$ |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | $M_n$ |
| ***Tổng*** | | | | | | | | | | | | | | $M^*$ | | $(M1) = M_1+...+Mn$ |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Nhà thầu điền chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (15) (17): Nhà thầu điền.

**II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam**

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu | Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa | Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu | Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu | Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án | Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) =(12)-(13) | (15) =(10)x(14) | (16) | (17) =(15)+(16) | (18) =(10)x(13) | (19) | (20) =(17)+(18)+(19) |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | $M_1$ |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | $Mn$ |
| **Tổng** | | | | | | | | | | | | | | | | $(M^*)$ | | | $(M2)=M_1+...+Mn$ |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Nhà thầu điền chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (12) (13) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền.

**III. Dịch vụ liên quan**

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)x(7) |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | **(I)= $I_1$+... + $I_N$** |

***Ghi chú:***

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.

- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

**IV. Tổng hợp giá dự thầu**

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| 1 | Hàng hóa sản xuất gia công trong nước | (M1) |

| | | |
|---|---|---|
| 2 | Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài | (M2) |
| 3 | Dịch vụ liên quan | (I) |
| 4 | Chi phí dự phòng (*) | (C) = a%x((M1)+(M2)+(I)) |
| | **Tổng cộng giá dự thầu** *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)* | ***G=(M1)+ (M2)+ (I) + (C)*** |

***Ghi chú:***

*(*): a%: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 4.2C**

# BẢNG GIÁ DỰ THẦU

*(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)*

## I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá EXW | Giá EXW | Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác *(đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án* | Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng | Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10) x(12) | (14) | (15)=(13)+(14) | (16) | (17)=(15)+(16) |
| **I. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói** | | | | | | | | | | | | | | | | *(M1)=$M_1$+…+ $M_n$* |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | *$M_1$* |
| … | | | | | | | | | | | | | | | | … |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | *$M_n$* |
| **II. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá** | | | | | | | | | | | | | | | | *(M2)=$M_1$+…+ $M_n$* |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | *$M_1$* |
| … | | | | | | | | | | | | | | | | … |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | *$M_n$* |
| ***Tổng*** | | | | | | | | | | | | | | *M** | | *(M)=(M1) + (M2)* |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Nhà thầu điền chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

Cột (12) (13) (15) (17): Nhà thầu điền.

**II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam**

| Stt | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Mã HS | Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu | Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa | Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu | Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu | Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án | Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT | Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) =(12)-(13) | (15) =(10)x(14) | (16) | (17) =(15)+(16) | (18) =(10)x(13) | (19) | (20) =(17)+(18)+(19) |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *(X1)= X1 +... + Xn* |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *X1* |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *Xn* |
| **II. Hạng mục hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *(X2)= X1 +... + Xn* |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *X1* |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | | | | | | | | | | | | | *Xn* |
| **Tổng** | | | | | | | | | | | | | | | | *(X*)* | | | *X=(X1) +(X2)* |

***Ghi chú:***

- Chủ đầu tư điền các cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền các cột sau:

Cột (11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

Cột (14): Nhà thầu điền chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

Cột (12) (13) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điền.

**III. Dịch vụ liên quan**

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)x(7) |
| **I. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng trọn gói** | | | | | | | *(I1)* = $I_1$+...+$I_n$ |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **II. Dịch vụ liên quan của hàng hóa áp dụng hợp đồng theo đơn giá** | | | | | | | *(I2)* = $I_1$+...+$I_n$ |
| 1 | | | | | | | $I_1$ |
| ... | | | | | | | ... |
| n | | | | | | | $I_n$ |
| **Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)** | | | | | | | (I)= (I1) + (I2) |

***Ghi chú:***

- Cột (1) đến (6): Chủ đầu tư điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7) (8): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

## IV. Tổng hợp giá dự thầu

| STT | Nội dung | Giá dự thầu |
|---|---|---|
| **I** | **Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói** | **G1=(M1) + (X1) + (I1)** |
| 1 | Hàng hóa sản xuất gia công trong nước | (M1) |
| 2 | Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài | *(X2)* |
| 3 | Dịch vụ liên quan | *(I1)* |
| **I** | **Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá** | **G2=(M2) + (X2) + (I2) + (C)** |
| 1 | Hàng hóa sản xuất gia công trong nước | *(M2)* |
| 2 | Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài | *(X2)* |
| 3 | Dịch vụ liên quan | *(I2)* |
| 4 | Chi phí dự phòng (*) | *(C)=a% x ((M2)+(X2)+(I2))* |
| | **Tổng cộng giá dự thầu** *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)* | ***G=G1+G2*** |

***Ghi chú:***

*(*): a%: Chủ đầu tư quy định giá trị của a (%) để nhà thầu làm cơ sở chào chi phí dự phòng.*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 05**

## BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP (*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

| STT | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa điểm | Ngày giao hàng | | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | **Ngày giao hàng sớm nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]* | **Ngày giao hàng muộn nhất** *[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]* | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Cây keo lai giống AH7 | Cây | 13.930 | Khoảnh 4 tiểu khu 128, khoảnh 1 tiểu khu KD150A xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa | 26/10/2026 | 31/12/2026 | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

***Ghi chú:***

*Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Chủ đầu tư điền.*

*Cột (8): Nhà thầu điền;*

(*) *Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.*

**Mẫu số 06**

# BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU (1)

Ngày: _____
Tên gói thầu: _____

| |
|---|
| Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]* |
| Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:<br>*[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]* |
| Năm thành lập công ty: |
| Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*: |
| Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu<br>Tên: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Số điện thoại/fax: _____<br>Địa chỉ email: _____ |
| 1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...<br>2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu. |

***Ghi chú:***

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 07A**

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN [1]

*(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)*

Tên nhà thầu:___ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Tên và số hợp đồng | *[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]* | | |
| Ngày ký hợp đồng | *[ghi ngày, tháng, năm]* | | |
| Ngày hoàn thành | *[ghi ngày, tháng, năm]* | | |
| Giá hợp đồng[3] | *[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]* | | Tương đương ____ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | *[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]* | *[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]* | Tương đương ___ VND |
| Tên dự án/dự toán mua sắm: | *[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]* | | |
| Tên Chủ đầu tư: | *[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]* | | |
| Địa chỉ:<br>Điện thoại/fax:<br>E-mail: | *[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]*<br>*[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]*<br>*[ghi địa chỉ e-mail]* | | |
| **Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II[2]** | | | |
| 1. Loại hàng hóa | *[ghi thông tin phù hợp]* | | |
| 2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện[3] | *[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]* | | |
| 3. Về quy mô thực hiện | *[ghi quy mô theo hợp đồng]* | | |
| 4. Các đặc tính khác | *[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]* | | |

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên).

***Ghi chú:***

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

**Mẫu số 07B**

## KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

*(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)*

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): ____ *[Điền số nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

| | |
|---|---|
| Tên nhà máy: | *[Ghi tên nhà máy]* |
| Địa chỉ: | *[Ghi địa chỉ nhà máy]* |
| Tổng mức đầu tư: | *[Ghi tổng mức đầu tư]* |
| Công suất thiết kế: | *[Ghi công suất thiết kế]* |
| Công suất thực hiện: | *[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]* |
| Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu. | *[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm]* |
| Tiêu chuẩn sản xuất: | *[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]* |
| Số lao động đang làm việc: | *[Ghi tổng số lao độngđang làm việc tại nhà máy]* |

***Ghi chú:***

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về năng lực sản xuất hàng hóa thì bỏ qua Bảng này.

**Mẫu số 08A**

# BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

| STT | Họ và tên | Vị trí công việc |
|---|---|---|
| 1 | *[Nhà thầu ghi họ và tên nhân sự chủ chốt ]* | *[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]* |
| 2 | | |
| … | | |

**Mẫu số 08B**

# BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

| Thông tin nhân sự | | | | | | Công việc hiện tại | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **STT** | **Tên** | **Căn cước công dân/ Hộ chiếu** | **Vị trí** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn** | **Tên người sử dụng lao động** | **Địa chỉ của người sử dụng lao động** | **Chức danh** | **Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại** | **Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)** | **Điện thoại/ Email** |
| 1 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | | | | | | | | | | |
| 2 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] | | | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | | | | |
| n | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] | | | | | | | | | | |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSĐX theo yêu cầu tại Bảng trên.

**Mẫu số 08C**

# BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

| STT | Tên nhân sự chủ chốt | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan |
|---|---|---|---|---|
| 1 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | ... | ... | ... |
| | | | | |
| | | | | |
| 2 | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| ... | ... | | | |

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

**Mẫu số 09**

# HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ[(1)]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

| **Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II** | | | |
|---|---|---|---|
| ☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.<br>☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II. | | | |
| **Năm** | **Phần việc hợp đồng không hoàn thành** | **Mô tả hợp đồng** | **Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
| | | Mô tả hợp đồng: _____<br>Tên Chủ đầu tư: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____ | |

***Ghi chú:***

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Mẫu số 10**

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

| | **Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ *(nhà thầu điền nội dung này)*** | | |
|---|---|---|---|
| | **Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC** | | |
| | **Năm 1:** | **Năm 2:** | **Năm 3:** |
| **Tổng tài sản** | | | |
| **Tổng nợ phải trả** | | | |
| **Giá trị tài sản ròng** | | | |
| **Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)** | | | |
| **Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)** [2] | | | |
| **Lợi nhuận trước thuế** | | | |
| **Lợi nhuận sau thuế** | | | |

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các báo cáo tình hình tài chính bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 11A**

## DANH SÁCH CÁC CÔNG TY, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[1]

| STT | Tên công ty con, công ty thành viên[2] | Công việc đảm nhận trong gói thầu[3] | Giá trị % so với giá dự thầu[4] | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| … | | | | |

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**Mẫu số 11B**

## PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[1]

*(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)*

| STT | Tên nhà thầu phụ[2] | Phạm vi công việc[3] | Khối lượng công việc[4] | Giá trị % ước tính[5] | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)[6] |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

# Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
# Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

## Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập HSĐX.*

*Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

### *1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu*

*Khoản này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.*

*Công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026, hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.*

*Địa điểm: Khoảnh 4 tiểu khu 128, khoảnh 1 tiểu khu KD150A xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.*

*Yêu cầu về cây giống trồng rừng: Cây Keo lai giâm hom, dòng AH7.*

*Thời gian thực hiện gói thầu: 02 tháng.*

### *1.2. Yêu cầu về kỹ thuật*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật chung và yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:*

*a) Yêu cầu kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.*

*b) Yêu cầu kỹ thuật chi tiết như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:*

*- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá HSĐX. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt*

*HSĐX và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá HSĐX.*

*- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.*

*- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.*

*- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:*

*+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;*

*+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);*

*+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;*

*+ Các hoạt động cụ thể mà nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;*

*+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.*

*- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Chủ đầu tư được nêu cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.*

*- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 05 Chương III.*

*Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong HSĐX của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong HSĐX.*

*[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].*

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:*

| Chỉ tiêu | Yêu cầu kỹ thuật | Ghi chú |
|---|---|---|
| Nguồn gốc giống | Hom được thu từ vườn cây đầu dòng (có Quyết định công nhận nguồn giống cấp tỉnh), còn trong thời gian lấy hom | |
| Tuổi cây | Từ 3 tháng đến 4 tháng kể từ khi hom giống được cấy vào bầu | |
| Đường kính gốc | 0,35 - 0,40 cm (35mm – 4mm) | |
| Chiều cao cây | 35cm – 40cm | |
| Số lá | Tối thiểu 8 lá trên một cây | |
| Kích thước túi bầu | Túi bầu không có giá thể có chiều rộng 7 cm, chiều dài 11 cm | |
| Hình thái chung | Cây khỏe, cứng cáp, đầy đủ các bộ phận, không bị tổn thương cơ giới, lá màu xanh | |
| Tình hình sâu, bệnh hại | Không phát hiện bị sâu, bệnh hại | |
| Trước khi cây xuất vườn | 15 ngày đến 20 ngày, tiến hành đảo bầu, **cắt rễ đáy bầu, xung quanh bầu** và giảm cường độ tưới sao cho duy trì độ ẩm của hỗn hợp ruột bầu ở mức 40 % đến 50 %. | |
| Bảo đảm truy xuất lô cây giống | Phù hợp theo bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp (Mẫu số 10) và đúng theo lô giống tại vườn (định vị số luống, vị trí luống) của lô cây giống. | |

***1.3. Các yêu cầu khác***

*- Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính (nếu có), yêu cầu về dịch vụ liên quan như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ... (nếu có). Các yêu cầu này phải được nêu chi tiết để nhà thầu chuẩn bị HSĐX.*

**1.3.1. Tiêu chuẩn năng lực, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất của nhà sản xuất cây keo giống**

a. Có vườn cây đầu dòng (AH7) có nguồn gốc xuất xứ đạt tiêu chuẩn tại mục "1.2. Yêu cầu về kỹ thuật" nêu trên, đang trong tuổi sản xuất hom (*tuổi vườn cây đầu dòng tối thiểu năm 1 và năm 2*) có hiện trạng khỏe mạng, không bị nấm,

bệnh, có quy trình chăm sóc cây mẹ đúng quy định. Vườn cây đầu dòng sản xuất tối thiểu 1.000.000 cây hom/năm.

b. Máy móc, thiết bị:

- Có hệ thống tưới phun sương bán tự động (máy bơm nước 1kW tối thiểu 100 cái, máy bơm tưới nước 1,5kW tối thiểu 10 cái, máy phát điện dự phòng 10kW tối thiểu 02 máy, bình phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại, ...);

- Máy đóng bầu tối thiểu có 02 máy, tổng năng suất đóng bầu tối thiểu 200.000 bầu/ngày;

- Có phương tiện là xe cơ giới để vận chuyển cây giống đến hiện trường trồng rừng...

c. Nhân sự:

- Bộ máy tổ chức: có đầy đủ các bộ phận như bộ phận quản lý (Ban lãnh đạo, các phòng nghiệp vụ chuyên môn gián tiếp *(kỹ thuật, kế toán,...);* các bộ phận chuyên môn trực tiếp (*đội công nhân vườn ươm, đội chăm sóc cây, đội xe cơ giới thiết bị, ...).*

- Nhân công vườn ươm phục vụ công việc chăm sóc cây như đảo bầu, xén rễ tối thiểu 20 người *(chứng minh bằng bảng lương tháng gần nhất).*

d. Có quy trình sản xuất và hệ thống giám sát, quản lý chất lượng sản phẩm, quá trình sản xuất được niêm yết công khai; có nhật ký theo dõi quá trình sản xuất tất cả các lô giống.

e. Vườn ươm được công nhận đủ điều kiện sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, có đầy đủ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận vườn giống theo quy định.

g. Có 03 hợp đồng cung cấp giống cây trồng lâm nghiệp với tổng số lượng tối thiểu 1.000.000 cây trong năm 2025 (cây giống được sản xuất tại vườn từ vườn cây đầu dòng, không mua bán, cung cấp cây giống từ các bên khác).

**Chú thích:** Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương sẽ thực hiện kiểm tra năng lực sản xuất tại vườm ươm của nhà thầu khi đối chiếu tài liệu của nhà thầu, nếu đúng với tài liệu cung cấp theo hồ sơ "đạt" thì mới đánh giá tiếp, hồ sơ "không đạt" hoặc thực tế kiểm tra không đúng với tài liệu cung cấp theo hồ sơ thì nhà thầu bị đánh giá "không đạt" và bị loại.

**1.3.2. Tiêu chuẩn vận chuyển, bảo quản cây con ra hiện trường trồng rừng theo tiến độ thi công của chủ đầu tư**

**a. Bảo dưỡng cây:**

- Cây giống phải được vận chuyển bằng xe cơ giới từ vườn ươm của nhà thầu đến vườn ươm của Chủ đầu tư để thực hiện dưỡng cây từ 05 đến 15 ngày trước khi xuất cây giống ra hiện trường trồng rừng.

- Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật đến vườn ươm chủ đầu tư để chăm sóc cây con cho đến khi xuất vườn.

**b. Vận chuyển cây con ra hiện trường trồng rừng: Khoảnh 4 tiểu khu 128, khoảnh 1 tiểu khu KD150A xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa:**

- Vận chuyển bằng xe cơ giới (xe công nông, xe tải địa hình có thể di chuyển trên đường đồi núi...). Cây giống trước khi vận chuyển phải được đóng gói trong túi nhựa PE với số lượng 50 cây/túi.

- Mỗi lần vận chuyển không quá 10.000 cây/chuyến để tránh làm cây bị tổn thương, phù hợp với tiến độ trồng rừng của chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật bảo quản, chăm sóc cây con tại hiện trường cho đến khi cây được trồng hết lô cây giống.

- Bổ sung cây giống thay thế kịp thời nếu cây trồng bị chết, bị gãy do quá trình vận chuyển, nuôi dưỡng của nhà thầu.

- Trước khi xuất vườn cây giống được đảo bầu, xén rễ, tưới nước, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh hại.

**1.3.3. Giá cạnh tranh**, nhưng phải **đảm bảo chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật**

Giá cây giống trọn gói bao gồm cả chi phí nuôi dưỡng cây tại vườn ươm của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương từ 05 đến 15 ngày, địa chỉ: thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa và chi phí bảo quản, chăm sóc cây giống tại chân công trình trồng rừng đến khi xuất hết lô cây giống đưa vào trồng rừng.

**1.3.4. Năng lực bảo đảm nguồn cung và điều phối cây giống**

a. Nhà thầu phải có năng lực sản xuất và điều phối nguồn cây giống phù hợp với quy mô cung cấp; bảo đảm khả năng huy động đủ số lượng cây giống đạt yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật khi Chủ đầu tư yêu cầu cung cấp.

b. Do đặc thù cây giống là sản phẩm sinh học, có chu kỳ sản xuất và thời gian sử dụng phù hợp với từng thời điểm trồng, Nhà thầu phải chủ động điều phối, phân bổ và luân chuyển sản lượng cây giống giữa các đơn hàng trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trường hợp do điều kiện thời tiết bất lợi, Chủ đầu tư chưa thể tiếp nhận cây giống theo kế hoạch, Nhà thầu phải chủ động tiêu thụ cho các đơn vị khác lô cây giống đã được bố trí để cung cấp cho Chủ đầu tư theo kế hoạch ban đầu, không áp dụng biện pháp hãm sinh trưởng để kéo dài thời gian lưu giữ cây; đồng thời, khi điều kiện thời tiết thuận lợi trở lại và Chủ đầu tư có yêu cầu nhận cây giống, Nhà thầu phải chủ động bố trí nguồn cây giống mới đạt yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật để cung cấp cho Chủ đầu tư.

c. Nhà thầu phải cam kết thực hiện các yêu cầu nêu trên và bảo đảm việc thay đổi thời gian tiếp nhận cây giống của Chủ đầu tư không làm ảnh hưởng đến khả năng cung cấp đủ số lượng cây giống đạt yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật.

*- Đấu thầu bền vững: có thể đưa ra yêu cầu về hàng hóa thân thiện môi trường, xã hội, sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có) như: tiết kiệm năng lượng hoặc tiết kiệm nước khi sử dụng, khí thải ít độc hại, không có chất độc hại, phá hủy môi trường; hàng hóa sản xuất không vi phạm trách nhiệm xã hội hoặc từ nguồn nguyên liệu bền vững, hữu cơ, vật liệu tái chế; sử dụng vật liệu xanh để đóng gói hàng hóa; tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, sử dụng container có thể tái sử dụng để vận chuyển hàng hóa; mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động môi trường và cộng đồng xung quanh; cam kết thu hồi hoặc tái chế khi hàng hóa hết sử dụng...*

*- Tùy theo từng gói thầu có thể yêu cầu nhà thầu chào phương án thay thế ngoài phương án chính theo yêu cầu của HSYC, trong đó cần quy định rõ phương án thay thế của nhà thầu chỉ được xem xét trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) khi nhà thầu được đề xuất trúng thầu theo phương án chính hoặc quy định trong trường hợp kết quả đánh giá HSĐX theo phương án chính không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu của HSYC thì mới xem xét phương án thay thế của nhà thầu.*

**Mục 2. Bản vẽ**

HSYC này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ *[trường hợp không có bản vẽ kèm theo thì phải ghi rõ "*Không có bản vẽ*"]:*

| **Danh mục bản vẽ** | | |
|---|---|---|
| **Bản vẽ số** | **Tên bản vẽ** | **Mục đích sử dụng** |
| | | |
| | | |

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Không yêu cầu *[ghi danh sách các kiểm tra và thử nghiệm].*

# Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

## Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

| | |
|---|---|
| **1. Định nghĩa** | Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:<br>1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**;<br>1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;<br>1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**;<br>1.4. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;<br>1.5. "Tài liệu hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;<br>1.6. "Giá hợp đồng" là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);<br>1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; "năm" là 365 ngày;<br>1.8. "Hàng hóa" gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.;<br>1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ…;<br>1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;<br>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.<br>1.12. "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký. |

| | |
|---|---|
| **2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên** | 2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.<br>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:<br>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;<br>b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);<br>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;<br>d) ĐKC của hợp đồng;<br>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;<br>e) HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX (nếu có) của Nhà thầu;<br>g) HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);<br>h) Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.<br>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu bao gồm:<br>a) Văn bản hợp đồng;<br>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;<br>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);<br>d) Tài liệu khác (nếu có). |
| **3. Luật và ngôn ngữ** | Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. |
| **4. Thông báo** | 4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. Thuật ngữ "bằng văn bản" có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. |

| | |
|---|---|
| | 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn. |
| **5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng** | 5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:<br>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;<br>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;<br>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.<br>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.<br>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**.<br>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.<br>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **6. Ký hợp đồng thầu phụ** | 6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong HSĐX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần |

| | |
|---|---|
| | việc do nhà thầu phụ thực hiện.<br>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSĐX hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSĐX chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.<br>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. |
| **7. Giải quyết tranh chấp** | 7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.<br>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**. |
| **8. Phạm vi cung cấp** | Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV. |
| **9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ** | Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương V. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **10. Trách nhiệm của Nhà thầu** | Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC. |
| **11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng** | 11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại **ĐKCT**.<br>11.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo |

| | |
|---|---|
| | đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. |
| **12. Thuế, phí, lệ phí** | 12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.<br>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.<br>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT.** |
| **13. Tạm ứng** | 13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại **ĐKCT**, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.<br>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. |
| **14. Thanh toán** | 14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.<br>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.<br>14.3. Đồng tiền thanh toán là VND. |
| **15. Quyền tác giả** | 15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó. |

| | |
|---|---|
| | 15.2. Quyền khác theo quy định tại **ĐKCT.** |
| **16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng** | 16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.<br>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.<br>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:<br>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;<br>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;<br>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;<br>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.<br>16.4. Các quy định tại Mục 16 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. |

| | |
|---|---|
| | 16.5. Các quy định tại Mục 16 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì. |
| **17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn** | Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương IV; nếu tại Chương IV không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ. |
| **18. Đóng gói hàng hóa** | 18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.<br>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở **ĐKCT** và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư. |
| **19. Bảo hiểm** | Trừ trường hợp có quy định khác tại **ĐKCT**, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh** | 20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại **ĐKCT**.<br>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại **ĐKCT**:<br>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;<br>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng |

| | |
|---|---|
| | hàng hóa;<br>c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;<br>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;<br>đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.<br>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác. |
| **21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa** | 21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại **ĐKCT** và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.<br>21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại **ĐKCT**. Theo quy định tại Mục 21.3 ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.<br>21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.<br>21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.<br>21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử |

| | |
|---|---|
| | nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.<br><br>21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.<br><br>21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 ĐKC.<br><br>21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng. |
| **22. Phạt và bồi thường thiệt hại** | Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại **ĐKCT**. |
| **23. Bảo hành** | 23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.<br><br>23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.<br><br>23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại |

| | |
|---|---|
| | **ĐKCT**.<br><br>23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.<br><br>23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại **ĐKCT** và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.<br><br>23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng. |
| **24. Bồi thường vi phạm sáng chế** | 24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:<br><br>a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;<br><br>b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.<br><br>Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.<br><br>24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với |

| | |
|---|---|
| | Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.<br>24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.<br>24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.<br>24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư. |
| **25. Thay đổi liên quan đến pháp lý** | Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 ĐKC. |
| **26. Bất khả kháng** | 26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay |

| | |
|---|---|
| | bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.<br>26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.<br>26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.<br>26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.<br>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.<br>26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra. |
| **27. Sửa đổi hợp đồng** | 27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:<br>a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng |

| | |
|---|---|
| | được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;<br>b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;<br>c) Thay đổi địa điểm giao hàng;<br>d) Thay đổi dịch vụ liên quan.<br>đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.<br>27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.<br>27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số… tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong HSĐX và đáp ứng yêu cầu HSYC thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.<br>27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.<br>27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.<br>27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:<br>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;<br>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp |

| | |
|---|---|
| | thuận đề xuất của Nhà thầu;<br>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.<br>27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:<br>a) Rút ngắn thời gian giao hàng;<br>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;<br>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;<br>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.<br>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.<br>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng. |
| **28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng** | 28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.<br>28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 ĐKC. |
| **29. Chấm dứt hợp đồng** | 29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm<br>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi |

| | |
|---|---|
| | phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:<br>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 ĐKC;<br>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;<br>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;<br>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.<br>29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán<br>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó. |
| **30. Hạn chế xuất khẩu** | Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu. |

## Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

| | |
|---|---|
| **ĐKCT 1.1** | Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG, Địa chỉ: Thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, số tài khoản: 0061001175969, ngân hàng Vietcombank, MST: 4200436471, email: letrungth@gmail.com; lamnghieptramhuong@gmail.com. Điện thoại: 02586501567. *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].* |
| **ĐKCT 1.3** | Nhà thầu: CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP HIỆP PHÚ; Địa chỉ: Khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk; 4609201001977 tại ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – chi nhánh Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk; MST: 4401088880; Điện thoại: 0905093598. *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].* |
| **ĐKCT 1.11** | Địa điểm dự án: Khoảnh 4 tiểu khu 128, khoảnh 1 tiểu khu KD150A xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. *[ghi tên và thông tin chi tiết về địa điểm].* |
| **ĐKCT 2.2 (i)** | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:<br>- Giấy phép đăng ký kinh doanh cơ sở sản xuất cây giống: của cơ sở SXKD/ chủ vườn.<br>- Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp (cấp trung ương): Quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm hoặc tương đương còn hiệu lực.<br>- Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (cấp tỉnh): Quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp còn hiệu lực:<br>+ Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mẫu số 04 TT số 84/2025/TT-BNNMT)<br>+ Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mẫu số 04 TT số 84/2025/TT-BNNMT)<br>+ Hồ sơ chứng từ liên quan về đầu vào nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (nếu có)___ *[liệt kê tài liệu].* |

| | |
|---|---|
| **ĐKCT 4.1** | Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:<br>- Người nhận: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG *[ghi tên đầy đủ của người nhận, nếu có].*<br>- Địa chỉ: Thôn Bến Khế, Xã Bắc Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa *[ghi đầy đủ địa chỉ].*<br>- Điện thoại: 0967892359 *[ghi số điện thoại, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].*<br>- Fax:___ *[ghi số fax, bao gồm mã quốc gia và mã thành phố].*<br>- Địa chỉ email*:* *letrungth@gmail.com;*<br>*lamnghieptramhuong@gmail.com*<br>*[ghi địa chỉ email (nếu có)].* |
| **ĐKCT 5.2** | - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02% giá hợp đồng *[ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].*<br>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng *[căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].* |
| **ĐKCT 5.4** | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 14 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng, căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].* |
| **ĐKCT 6.1** | Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng *[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSĐX].* |
| **ĐKCT 7.2** | Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày *[ghi số ngày tiến hành hòa giải tối đa].*<br>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, hai bên ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày một bên thông báo bằng văn bản về việc phát sinh tranh chấp. Trường hợp hết thời hạn nêu trên mà các bên không tự giải quyết được thì tranh |

| | |
|---|---|
| | chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền nơi Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đặt trụ sở. Chi phí tố tụng và các chi phí liên quan khác do bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định của pháp luật. *[ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp (toà án, trọng tài), chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...].* |
| **ĐKCT 9** | Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Hóa đơn tài chính, phiếu xuất kho, biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao, chứng từ chứng minh nguồn gốc lô hàng... *[ghi tên các tài liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng...].*<br>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan. |
| **ĐKCT 11.1** | Loại hợp đồng: Trọn gói *[ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].* |
| **ĐKCT 11.2** | Giá hợp đồng: Cố định *[ghi "Cố định" đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc "được trượt giá" đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh phù hợp với loại hợp đồng quy định tại Mục 11.1 ĐKCT].*<br>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì trượt giá hợp đồng được thực hiện bằng cách điều chỉnh đơn giá hoặc tính trượt giá của hợp đồng như sau:<br>- Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 28 **E-ĐKC**. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng;<br>- Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc tính trượt giá sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể_____ *[nêu rõ công thức tính trượt giá].* |

| | |
|---|---|
| | *[Ví dụ về công thức tính trượt giá:*<br><br>$$P_1 = P_0 [a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0}] - P_0$$<br><br>$$a+b+c = 1$$<br><br>*Trong đó:*<br>$P_1$ = *Giá phải trả cho nhà thầu sau khi tính trượt giá*<br>$P_0$ = *Giá hợp đồng (giá cơ bản)*<br>$a$ = *Yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%.*<br>$b$ = *Ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng*<br>$c$ = *Ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng*<br>$L_0, L_1$ = *Lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày trượt giá*<br>$M_0, M_1$ = *Lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày trượt giá tại nước xuất xứ của hàng hóa*<br>*Trong HSDT, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, nguồn thông tin tỷ giá (nếu phù hợp) và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.*<br>*Các hệ số a, b, và c sẽ do Chủ đầu tư xác định như sau:*<br>*a = [ghi giá trị hệ số]*<br>*b= [ghi giá trị hệ số]*<br>*c= [ghi giá trị hệ số]*<br>*Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.*<br>*Ngày trượt giá = [ghi số tuần] tuần trước ngày giao hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).*<br>*Điều kiện thực hiện trượt giá:*<br>*(i) Không được phép tính trượt giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, trượt giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.* |

| | |
|---|---|
| | *(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng $P_0$ không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi tính trượt giá hợp đồng. Hệ số quy đổi được tính như sau:*<br>$$Z = Z_0/Z_1$$<br>*Trong đó:*<br>*$Z_0$ = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng $P_0$ vào ngày cơ bản;*<br>*$Z_1$ = Số đơn vị đồng tiền ghi các chỉ số đó tương đương một đồng tiền thể hiện giá hợp đồng $P_0$ vào ngày trượt giá.*<br>*(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được tính trượt giá].* |
| **ĐKCT 12.3** | Điều chỉnh thuế: Được phép *[ghi* "Được phép" *hoặc* "Không được phép". *Trường hợp được phép áp dụng điều chỉnh thuế thì ghi:* "Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng"*].* |
| **ĐKCT 13.1** | Tạm ứng: Trong vòng 10 ngày sau khi hợp đồng do 02 bên ký kết có hiệu lực, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương sẽ tạm ứng cho nhà thầu **30%** giá trị hợp đồng *[ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng...phù hợp quy định của pháp luật. Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Đối với việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn, một số vật liệu phải dự trữ theo mùa thì trong hợp đồng phải nêu rõ về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng].* |
| **ĐKCT 14.2** | Phương thức thanh toán: **chuyển khoản** *[căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này. Việc thanh toán cho Nhà thầu có thể quy định thanh toán bằng chuyển khoản, số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong vòng không quá một số ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo* |

| | |
|---|---|
| | *yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.*<br>*Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Đối với loại hợp đồng trọn gói, trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế].* |
| **ĐKCT 15.2** | Quyền: ___ *[trường hợp gói thầu hàng hóa cần có quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu về quyền tác giả và các quyền khác thì chủ đầu tư quy định rõ tại Mục này]* |
| **ĐKCT 18.2** | Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: cây giống được giao theo quy cách sau: cây giống được xếp vào túi nhựa PE với số lượng 50 cây/1 túi. Cây phải được xếp ngay ngắn, tránh để cây đè lên nhau làm gãy thân, ngọn. *[ghi yêu cầu cụ thể về cách thức đóng gói, ghi chú trên bao bì và các giấy tờ cần thiết].* |
| **ĐKCT 19** | Nội dung bảo hiểm:____ *[ghi quy định cụ thể về bảo hiểm, bao gồm phạm vi bảo hiểm, loại đồng tiền và số tiền bảo hiểm].* |
| **ĐKCT 20.1** | Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng. *[Chủ đầu tư hoặc ghi* "Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng"; *hoặc đưa ra các điều khoản thương mại khác mà hai bên đã thống nhất (trong đó có quy định trách nhiệm tương ứng của Chủ đầu tư và Nhà thầu)].* |
| **ĐKCT 20.2** | Các dịch vụ bao gồm: vận chuyển từ kho của nhà thầu đến hiện trường thi công công trình của chủ đầu tư, trường hợp cần phải bảo quản cây con trước khi chở ra hiện trường để trồng rừng thì chủ đầu tư tạo điều kiện cho nhà thầu được sử dụng mặt bằng tại vườn ươm, chi phí phát sinh (nếu có) do nhà thầu chịu *[mô tả cụ thể các dịch vụ].* |

| | |
|---|---|
| **ĐKCT 21.1** | Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Trước khi xuất vườn, chủ đầu tư tổ chức kiểm tra cây giống căn cứ theo tiêu chuẩn cây con do chủ đầu tư gửi kèm hồ sơ yêu cầu và trong hợp đồng. Trường hợp cây con không đủ tiêu chuẩn xuất vườn, chủ đầu tư từ chối nhận hàng. *[căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể việc kiểm tra, thử nghiệm của Nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy định tại Chương V. Việc kiểm tra, thử nghiệm có thể quy định theo từng giai đoạn như: trước khi giao hàng, khi hàng đến... Trong các quy định về kiểm tra, thử nghiệm cần nêu được các nội dung cơ bản như: thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm].* |
| **ĐKCT 21.2** | Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Vườn ươm của nhà thầu *[ghi địa điểm].* |
| **ĐKCT 22** | *Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:*<br>*- Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.*<br>*- Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.*<br>*- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.*<br>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng *[ghi "Áp dụng" hoặc "Không áp dụng].*<br>*Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:*<br>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 5%/tuần *(hoặc ngày, tháng...) [ghi cụ thể mức khấu trừ là bao nhiêu % giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm]* cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 10%/tuần *[ghi mức phạt tối đa]*. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.<br>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng *[ghi "Áp dụng" hoặc "Không áp dụng"].* |

| | |
|---|---|
| | *Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:*<br>*- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;*<br>*- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.* |
| **ĐKCT 23.3** | Thời hạn bảo hành là: 180 ngày *[ghi số ngày]*.<br>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Khoảnh 4 tiểu khu 128, khoảnh 1 tiểu khu KD150A xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. *[ghi tên một hoặc một số địa điểm]*.<br>*Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể. Đối với các loại hàng hóa đơn giản thì yêu cầu Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu. Đối với các loại hàng hóa phức tạp thì ngoài việc có phiếu bảo hành kèm theo còn phải quy định Chủ đầu tư giữ lại một phần giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng. Trong trường hợp này, cần quy định cụ thể giá trị khoản tiền giữ lại và thời hạn hoàn trả cho Nhà thầu (ví dụ sẽ hoàn trả lại cho Nhà thầu khi hai bên thanh lý hợp đồng).* |
| **ĐKCT 23.5**<br>**ĐKCT 23.6** | Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Trong vòng 03 ngày, trường hợp phát hiện lô cây giống giao không đảm bảo chất lượng thì nhà thầu phải đổi lô giống khác trong vòng 03 ngày để chủ đầu tư trồng rừng. *[ghi số ngày]*. |
| **ĐKCT 27.7 (d)** | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 2% *[nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%]* giá trị giảm giá hợp đồng. |

# Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

**Mẫu số 16 (Webform trên Hệ thống)**

## THƯ CHẤP THUẬN HSĐX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___ năm___ của _____ *[Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____ *[Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là _____ *[Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là___ *[Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];*

- Địa chỉ phương tiện điện tử:___ *[ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];*

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm[2]____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của HSYC với số tiền___ và thời gian hiệu lực___ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___[3] mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**Mẫu số 17A**

# HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ[1]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Hợp đồng số: _____*[Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]*

Gói thầu: _____ *[Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]*

- Căn cứ[2] ___*(Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];*

- Căn cứ[2] ____*(Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];*

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* và Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của Chủ đầu tư; *[Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]*

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày _____ tháng _____ năm _____;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

*- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư:_____ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: _____

---

*[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.*

*[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

E-mail: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản:____;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

Mã số thuế: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư:_____ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: _____

E-mail: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản:____;*[Chủ đầu tư kê khai thông tin]*

Mã số thuế: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền:_____ *[Hệ thống trích xuất]*

Địa chỉ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: _____

E-mail: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản:____;*[Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]*

Mã số thuế: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm ___*(trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: _____ *[Chủ đầu tư kê khai]*

Địa chỉ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Điện thoại: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Fax: _____

E-mail: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Đại diện là ông/bà: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Chức vụ: _____ *[Hệ thống trích xuất]*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. ĐKC của hợp đồng;

5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng;

7. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX (nếu có) của Nhà thầu;

8. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);

9. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định

tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

*a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

*b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

*- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

*- Giá trị thuế*

*- Dự phòng.*

*c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

*- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

*- Giá trị thuế*

*- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

2. Phương thức thanh toán:____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 ĐKCT].*

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo ĐKCT].*

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 ĐKC, HSĐX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN** |
|---|---|
| *[xác nhận, chữ ký số]* | *[xác nhận, chữ ký số]* |

# PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại HSYC và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**Mẫu số 18**

## BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư")

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là "Hợp đồng"); (1)

Theo quy định trong HSYC *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là____ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSYC]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___ tháng__ năm___ (3).

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") là nhà thầu trúng thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số__ *[ghi số hợp đồng]* ngày__ tháng___ năm___ (sau đây gọi là "Hợp đồng")."

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT.

**Mẫu số 19**

## BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [1]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi:___ *[ghi tên Chủ đầu tư ]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư " )

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ___ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là "Nhà thầu") phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ___ *[ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 ĐKCT của HSYC].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày___ tháng___ năm___ [3].

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

**Mẫu số 20**

# GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm____*[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do ____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]*[2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ___bản.

| **Người được ủy quyền** | **Người ủy quyền** |
|---|---|
| *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

*Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng của gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia sử dụng các Chương VI, VII, VIII của Mẫu E-HSMT mua sắm hàng hóa một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC để xây dựng các Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG, Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ, Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG, Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN KHUNG, Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA THỎA THUẬN KHUNG cho phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.*

*Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 79/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 79/2025/TT-BTC.*

*Lưu ý: khi sử dụng cần thay đổi các thuật ngữ cho phù hợp như sau:*

*- E-ĐKC thành ĐKC;*

*- E-ĐKCT thành ĐKCT;*

*- E-HSMT thành HSYC;*

*- E-HSDT thành HSĐX.*

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG
**TỔ THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bắc Khánh Vĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

# BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU

## Công việc "cung cấp cây giống"

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh"

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương

Trên cơ sở Tờ trình của Tổ Chuyên gia về việc phê duyệt HỒ SƠ YÊU CẦU và các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định HỒ SƠ YÊU CẦU công việc "Cung cấp cây giống" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh" từ ngày 12/10/2026 đến ngày 13/10/2026.

Kết quả thẩm định HỒ SƠ YÊU CẦU gói thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Căn cứ pháp lý

HỒ SƠ YÊU CẦU được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm

2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-LNTH ngày 20/08/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026, diện tích 3,80 ha – Hồ sơ số 12/2026/TRSX (Mã rừng: 26.12.S.CT);

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-LNTH ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh";

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-LNTH/TC ngày 01/04/2026 Về việc thành lập Tổ Thẩm định trong hoạt động đấu thầu của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương;

Căn cứ HỒ SƠ YÊU CẦU công việc "Cung cấp cây giống" do Tổ Chuyên gia trực thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương lập.

**2. Khái quát về công việc**

- Tên công việc: **Cung cấp cây giống**;
- Giá trị công việc: **27.343.656 đồng**;
- Nguồn vốn: **vốn doanh nghiệp**;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: **30 ngày**;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: **Quý IV, năm 2026;**
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: **Chỉ định thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;**
- Loại hợp đồng: **trọn gói**;
- Thời gian thực hiện công việc: **02 tháng**;
- Tùy chọn mua thêm: **không**.

**3. Tổ chức thẩm định**

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ Thẩm định:

Tổ thẩm định được Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương thành lập theo Quyết định số số 17/QĐ-LNTH/TC ngày 01/04/2026 để thực hiện thẩm định HỒ SƠ YÊU CẦU công việc "Cung cấp cây giống" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh".

b) Thành phần đơn vị thẩm định/tổ thẩm định:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong Tổ thẩm định tại* ***Bảng số 1****.*

**Bảng số 1**

| STT | Họ và tên | Chức vụ, vị trí trong tổ thẩm định | Phân công công việc của các thành viên |
|---|---|---|---|
| 1 | Triệu Văn Minh | Tổ trưởng | Phụ trách chung, điều hành tổ |
| 2 | Nguyễn Văn Đồng | Thành viên | Phụ trách pháp lý |
| 3 | Trương Thành Trung | Thành viên | Phụ trách kỹ thuật |
| 4 | Nguyễn Thụy Hải Duyên | Thành viên | Phụ trách tài chính |

c) Cách thức làm việc

Tổ Thẩm định làm theo nhóm, cá nhân từng thành viên phụ trách lĩnh vực nào thì tham mưu thẩm định trong lĩnh vực đó, các thành viên sau khi tham mưu xong lĩnh vực của mình thì nghiên cứu các nội dung còn lại của báo cáo thẩm định để góp ý, chủ trì sẽ tổng hợp nội dung thẩm định. Sau khi hoàn thành nội dung thẩm định, Tổ trưởng tổ chức họp nhóm và thông qua báo cáo.

Đính kèm vào báo cáo thẩm định: Bản chụp Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên tham gia thẩm định trong tổ thẩm định theo quy định của pháp luật đấu thầu.

## II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

### 1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập HỒ SƠ YÊU CẦU được tổng hợp theo **Bảng số 01** dưới đây:

**Bảng số 01**

| STT | Nội dung kiểm tra | Kết quả kiểm tra | |
|---|---|---|---|
| | | Có | Không có |
| | [1] | [2] | [3] |
| 1 | - Quyết định số 612/QĐ-LNTH ngày 20/08/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026, diện tích 3,80 ha – Hồ sơ số 12/2026/TRSX (Mã rừng: 26.12.S.CT). | **X** | |
| 2 | - Quyết định số 714/QĐ-LNTH ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh". | **X** | |
| 3 | - Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 – hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha. | **X** | |
| 4 | - Quyết định số 16/QĐ-LNTH/TC ngày 01/04/2026 Về việc thành lập Tổ Chuyên gia của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương | **X** | |
| 6 | - HỒ SƠ YÊU CẦU công việc "Cung cấp cây giống" do Tổ Chuyên gia lập | **X** | |

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

*HỒ SƠ YÊU CẦU thực hiện có đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định.*

**2. Nội dung của HỒ SƠ YÊU CẦU**

**a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung HỒ SƠ YÊU CẦU:**

Kết quả thẩm định về nội dung HỒ SƠ YÊU CẦU được tổng hợp tại **Bảng số 02**.

**Bảng số 02**

| Nội dung kiểm tra | Kết quả thẩm định | |
|---|---|---|
| | Tuân thủ, phù hợp | Không tuân thủ hoặc không phù hợp |
| [1] | [2] | [3] |
| **1. Thủ tục chỉ định thầu**<br>- Chỉ dẫn nhà thầu | X | |

| Nội dung kiểm tra | Kết quả thẩm định | |
|---|---|---|
| | Tuân thủ, phù hợp | Không tuân thủ hoặc không phù hợp |
| [1] | [2] | [3] |
| - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất<br>- Biểu mẫu | X<br>X | |
| **2. Yêu cầu**<br>**- Yêu cầu về kỹ thuật** (đối với phần công việc xây lắp, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) | X | |
| **3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng/thỏa thuận khung**<br>- Điều kiện chung của hợp đồng<br>- Điều kiện cụ thể của hợp đồng<br>- Biểu mẫu hợp đồng | <br>X<br>X<br>X | |

**b) Ý kiến thẩm định về nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp:** Không có.

**3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập HỒ SƠ YÊU CẦU (nếu có):** Không có.

**4. Các nội dung liên quan khác:** Không có.

## III. Ý KIẾN BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH/TỔ THẨM ĐỊNH

Không có.

## IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Nhận xét về nội dung HỒ SƠ YÊU CẦU

Trên cơ sở các nhận xét về HỒ SƠ YÊU CẦU theo từng nội dung nêu trên, Tổ thẩm định đánh giá HỒ SƠ YÊU CẦU được Tổ Chuyên gia lập đúng các quy định hiện hành, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Tổ Thẩm định nhất tất cả nội dung của HỒ SƠ YÊU CẦU.

### 2. Kiến nghị

Trên cơ sở tờ trình của Tổ Chuyên gia về việc phê duyệt HỒ SƠ YÊU CẦU, dự thảo HỒ SƠ YÊU CẦU và nội dung tại báo cáo thẩm định này, Tổ Thẩm định kiến nghị Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt HỒ SƠ YÊU CẦU công việc "Cung cấp cây giống" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh" theo quy định.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: các thành viên Tổ Thẩm định của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- P.HC-NS; KH-TC; KT&QLBVR;
- Lưu: Lưu VT, TTĐ.

**TM. TỔ THẨM ĐỊNH**
**TỔ TRƯỞNG**

**Triệu Văn Minh**

**Các thành viên Tổ Thẩm định:**

**Nguyễn Văn Đồng**

**Trương Thành Trung**

**Nguyễn Thụy Hải Duyên**

**Phụ lục**

**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU**

Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 – hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích 3,80 ha;

Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

HỒ SƠ YÊU CẦU: Công việc Cung cấp cây giống;

Tờ trình phê duyệt HSYC công việc cung cấp cây giống của Tổ chuyên gia;

Quyết định thành lập Tổ Chuyên gia;

Quyết định thành lập Tổ Thẩm định;

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG
**TỔ CHUYÊN GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2026/TTr-TCG

*Bắc Khánh Vĩnh, ngày 12 tháng 10 năm 2026*

# TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu**
**Công việc "Cung cấp cây giống"**

thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh"

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương

Tổ chuyên gia trình Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương xem xét, phê duyệt HSYC/hồ sơ yêu cầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Căn cứ pháp lý

*Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/09/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-LNTH ngày 20/08/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026, diện tích 3,80 ha – Hồ sơ số 12/2026/TRSX (Mã rừng: 26.12.S.CT);*

*Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-LNTH ngày 10/10/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương đảm nhiệm: "Cung cấp cây giống", "Bảo vệ rừng" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh".*

**2. Nội dung công việc**

- Tên công việc: **Cung cấp cây giống;**
- Giá trị công việc: **27.343.656 đồng;**
- Nguồn vốn: **vốn của doanh nghiệp;**
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: **30 ngày;**
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: **Quý IV, năm 2026;**
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: **Chỉ định thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;**
- Loại hợp đồng: **trọn gói**;
- Thời gian thực hiện công việc: **02 tháng**;
- Tùy chọn mua thêm: **không**.

**3. Tổ chuyên gia**

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương thành lập theo Quyết định số 16/QĐ-LNTH ngày 01/04/2026 để thực hiện lập HSYC/hồ sơ yêu cầu công việc "Cung cấp cây giống" thuộc Công trình: "Trồng rừng sản xuất năm 2026 - hồ sơ số 12/2026/TRSX, diện tích: 3,80 ha" theo hình thức đầu tư "Hợp đồng hợp tác kinh doanh".

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.*

**Bảng số 01**

| Stt | Họ và tên | Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia | Phân công công việc của các thành viên |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Văn Nghị | Tổ trưởng | Phụ trách chung, điều hành tổ chuyên gia |
| 2 | Lê Đức Thuận | Thành viên | Phụ trách Kỹ thuật |
| 3 | Cao Ngọc Khoa | Thành viên | Phụ trách Kế hoạch |
| 4 | Lê Hàng Thúy Hồng | Thành viên | Phụ trách Tài chính |
| 5 | Trần Thanh Yến Nhi | Thành viên | Phụ trách Pháp lý |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Tổ Chuyên gia làm việc theo nhóm, các thành viên phụ trách lĩnh vực nào thì tham mưu nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do mình phụ trách. Chủ trì là người xem xét, tổng hợp và quyết định nội dung của các thành viên và hoàn thiện HSYC trước khi trình chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt.

**II. NỘI DUNG HSYC/hồ sơ yêu cầu**

**1. Nội dung của HSYC/hồ sơ yêu cầu**

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX

Chương III. Biểu mẫu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VI. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng

**2. Ý kiến bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia (nếu có): Không có**

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Tất cả các thành viên Tổ chuyên gia đã thống nhất tất cả các nội dung của HSYC và kiến nghị chủ đầu tư xem xét, phê duyệt HSYC theo quy định.

Tờ trình này được lập tại: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương bởi các thành viên Tổ chuyên gia.

| CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA | | TỔ TRƯỞNG |
|---|---|---|
| Lê Đức Thuận | Cao Ngọc Khoa | **Hoàng Văn Nghị** |
| Lê Hàng Thúy Hồng | Trần Thanh Yến Nhi | |